

**CÔNG KHAI CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGÀNH, NGHỀ Y SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

A. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở đăng ký: Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa

Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh: Thanh Hoa Medical College

2. Địa chỉ trụ sở chính: 177 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 02373.951.081, Fax: 02373.950.410

Website: cyt.edu.vn, Email: pdtcaodangyth@gmail.com

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp) số: 2360/QĐ-BGDĐT

Ngày, tháng, năm cấp: 11/05/2004. Cơ quan cấp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Họ và tên Hiệu trưởng: Mai Văn Bảy

Quyết định bổ nhiệm/công nhận số: 638/QĐ-UBND ngày 18/02/2019. Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

5. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 42/2022/GCNDKHHĐ-TCGDNN

Ngày, tháng, năm cấp: 06/6/2022. Cơ quan cấp: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô đào tạo/năm	Trình độ đào tạo
1.	Y sỹ y học cổ truyền	5720102	20	Trung cấp

B. CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO.

Tại mỗi chuyên ngành nhà trường đang đào tạo, nhà trường có đủ điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị dụng cụ đào tạo, chương trình, giáo trình, nhà giáo đạt chuẩn đáp ứng số lượng sinh viên tăng thêm từ 30 – 50 % so với chỉ tiêu tuyển sinh được cấp phép nên hằng năm, vì vậy nhà trường sẽ linh hoạt điều chỉnh quy mô tuyển sinh/ trong năm giữa các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp trong cùng nhóm ngành nghề kể từ ngày 01/4/2021 và đảm bảo không vượt quá tổng quy mô tuyển sinh/ năm được cấp phép.

1.1.Cơ sở vật chất: Chung cho tất cả các ngành/ quy mô toàn trường

Phòng làm việc, khu nhà hiệu bộ: Có đầy đủ các phòng làm việc, phòng hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, ban, bộ môn chuyên khoa, bảo đảm diện tích chỗ làm việc trung bình cho 300 giáo viên cơ hữu và kiêm chức : 9.5m²/ người (*Đảm bảo diện tích theo quy định 8 m²/ người*).

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1.	Phòng Hiệu trưởng	01	50	
2.	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	80	
3.	Phòng Chủ tịch Hội đồng Trường	01	40	
4.	Phòng Quản lý Đào tạo	02	120	
5.	Phòng Tổ chức - Hành chính	03	120	
6.	Phòng Tài chính - Kế toán	02	80	
7.	Phòng Khảo thí & KĐCL	04	120	
8.	Phòng Công tác HS-SV	02	80	

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m²)	Ghi chú
9.	Phòng Quản lý Khoa học & QHQT	02	80	
10.	Ban đào tạo theo nhu cầu xã hội	01	50	
11.	Phòng hội nghị	03	250	
12.	Phòng văn thư	01	40	
13.	Ban Quản lý Ký túc xá	01	50	
14.	Phòng khám bệnh	01	1000	
15.	Bộ môn Nội - Truyền nhiễm	01	40	
16.	Bộ môn Ngoại	01	40	
17.	Bộ môn Sản	01	40	
18.	Bộ môn Nhi	01	40	
19.	Bộ môn Xét nghiệm	01	40	
20.	Bộ môn Y cơ sở	01	40	
21.	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	01	40	
22.	Bộ môn Y tế công cộng	01	40	
23.	Bộ môn Điều dưỡng	01	40	
24.	Bộ môn Dược	01	40	
25.	Bộ môn Chuyên khoa	01	40	
26.	Bộ môn PHCN – Đông Y	01	40	
27.	Bộ môn Khoa học tự nhiên	01	40	
28.	Bộ môn Ngoại ngữ	01	40	
29.	Bộ môn LLCT - GDTC&QP	01	40	
30.	Phòng nghỉ giáo viên	03	90	
	TỔNG	44	2850	

Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên.

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m²)	Ghi chú
1.	Sân thể thao	02	1500	
2.	Căng tin	01	500	

3.	Ký túc xá	60 (Phòng)	3000	
4.	Phòng khám bệnh đa khoa	20	1500	
5.	Hội trường lớn	01	500	
6.	Phòng đa phương tiện	01	200	

1.2. Danh mục các phòng:

- Phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy đảm bảo từ 5,5 m²/chỗ học/ tại 1 thời điểm (bố trí 02 ca học sáng, chiều/ngày).

(Đảm bảo diện tích theo quy định).

Thực tế đáp ứng 200% chỉ tiêu khi sử dụng 2 buổi sáng/ chiều/ ngày.

STT	Phòng thực hành	Số phòng	Diện tích (m ²)
1.	Phòng lý thuyết:	03	225
2.	Phòng học Tin học	02	200
3.	Phòng học thông minh - Phòng học ngoại ngữ	01	75
4.	Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng	01	75
5.	Phòng thực hành Giải phẫu	02	120
6.	Thực hành Sinh lý – Lý sinh	01	60
7.	Phòng thực hành Sinh học	01	60
8.	Phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng	01	60
9.	Phòng thực hành Hóa học	01	60
10.	Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng	02	120
11.	Phòng thực hành Y học cổ truyền	01	100
12.	Tổng	16	1155

1.3. Thiết bị, dụng cụ đào tạo: Đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị cần thiết theo danh mục tối thiểu quy định của Bộ LĐTBXH cho các ngành nghề. Số lượng các phòng cụ thể như sau:

Phòng 1. Phòng lý thuyết:

Giảng dạy kiến thức các môn học chung, kiến thức lý thuyết của các môn học, mô đun của chương trình đào tạo các ngành nghề. Đồng thời phòng lý thuyết có chức năng rèn luyện, phát triển trình độ chuyên môn, kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, thuyết trình về kiến thức hiểu biết chung và kiến thức chuyên ngành.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Bàn, ghế,	Bộ	20
5	Bảng tiêu chuẩn	Chiếc	1

Phòng 2. Phòng học Tin học:

Giảng dạy thực hành, tích hợp, rèn luyện các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thuộc 1 trong 6 môn học chung .

Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun chương trình máy tính (phần mềm).

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
-----	---------------------------------	--------	----------

I	Thiết bị		
1	Máy vi tính – kèm các phần mềm chuyên dùng	Bộ	48
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Máy in	Chiếc	1
5	Ổn áp điện	Chiếc	4
6	Bàn ghế phù hợp	Bộ	48

Phòng 3. Phòng học thông minh - Phòng học ngoại ngữ

Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun khác như *Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Tư vấn sử dụng thuốc, Sử dụng thuốc trong điều trị, Kỹ năng giao tiếp bán hàng Dược phẩm...* có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm).

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính – Kèm hệ thống phần mềm chuyên dùng	Bộ	36
3	Hệ thống màn hình thông minh	Chiếc	1
4	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
5	Tai nghe	Bộ	36
	Các phần mềm tích hợp		
6	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1
7	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
II	Dụng cụ		
1.	Bộ bàn ghế	Bộ	36

2.	Bảng di động	Chiếc	1
----	--------------	-------	---

Phòng 4. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng:

Dùng giảng : Cho các học phần: Dinh dưỡng tiết chế - Vệ sinh an toàn thực phẩm, Dịch tễ học, Y xã hội, Điều dưỡng cộng đồng, Sức khỏe - Vệ sinh – Môi trường; Pháp luật – Tổ chức y tế....)

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Máy quay phim video, máy ảnh, ghi âm	Bộ	1
4	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
5	Tủ lạnh	Chiếc	1
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
7	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	1
8	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	1
9	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
10	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	1
11	Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ Truyền thông giáo dục sức khỏe	Bộ	1
12	Máy quay phim Video	Chiếc	1
13	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	1
14	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1
15	Giường người bệnh	Chiếc	1
II	Dụng cụ		
1	Các vaccin mẫu - Vaccin phòng lao (BCG)	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Vaccin viêm gan B - Vaccin sởi - Vaccin Bạch hầu – Ho gà – uốn ván - Vaccin bại liệt (uống) 		
2	<p>Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc uống bù nước và điện giải - Paracetamol (500mg) - Thuốc trị cảm cúm - Băng chun y tế - Gạc tiệt trùng - Băng tam giác - Băng urgo - Băng cuộn - Khẩu trang y tế - Găng tay - Băng dính vải - Povidine 10% 20ml - Natri clorid 0,9% - Băng viên - Băng cuộn - Nhiệt kế thủy ngân - Thuốc berberin - Dầu gió - Cồn 70° - Oxy già - Kính bảo vệ mắt - Khẩu trang lọc độc 3M - Tấm nilon không thấm - Gạc đắp vết thương - Miếng khăn giấy tẩm cồn 	Túi	3

	- Phác đồ cấp cứu - Hộp nhựa nhiều tầng		
3	Đệm	Chiếc	1
4	Ga trải giường	Chiếc	1
5	Chăn	Chiếc	1
6	Gối	Chiếc	1
III	Học liệu		
1	Bộ tranh vẽ: nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống tai nạn thương tích. Tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,...	Bộ	3
2	Các bảng về truyền thông giáo dục sức khỏe, các tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...	Bộ	3
3	Mô hình/tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.	Bộ	3
4	Tranh/Mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành thị,...	Bộ	3
5	Tranh/Mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...	Chiếc	3
6	Tranh/Mô hình mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	Bộ	3
7	Hệ thống xử lý rác thải bệnh viện (Thực tập tại cơ sở Y tế)		

Phòng 5. Phòng thực hành giải phẫu

Giảng dạy thực hành giải phẫu các cơ quan trên cơ thể người: giải phẫu bộ xương, hệ cơ, thần kinh, các bộ phận trên cơ thể người... là cơ sở để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

Sử dụng cho môn học giải phẫu của tất cả các chuyên ngành.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
II	Dụng cụ		
1	Bộ xương người cỡ chuẩn	Bộ	1
2	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	1
3	Mô hình hộp sọ (7 phần)	Bộ	3
4	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng (13 phần)	Bộ	1
5	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ (30 phần)	Bộ	1
6	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu (27 phần)	Bộ	1
7	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	1
8	Mô hình cơ cánh tay - 6 mảnh	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu toàn thân (phủ tạng có thể tháo rời, có 36 phần)	Bộ	1
10	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	3
11	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	3
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	1
13	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	1
14	Mô hình tim	Chiếc	3
15	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	1

16	Mô hình phổi (7 mảnh)	Chiếc	3
17	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	3
18	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
19	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	3
20	Mô hình cơ quan sinh dục nam ***	Bộ	3
21	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ ***	Bộ	3
22	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng ***	Bộ	3
23	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	3
24	Mô hình mắt	Bộ	3
25	Mô hình da phóng đại	Chiếc	3
26	Mô hình tai phóng đại, 6 mảnh	Chiếc	3
27	Mô hình não	Chiếc	3
28	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	3
29	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	3
30	Mô hình cắt đứng qua chậu hông nữ	Chiếc	3
31	Mô hình chi trên/ chi dưới cắt lớp	Bộ	3
32	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	3
III	Học liệu		
1	Các tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Chiếc	3
2	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Chiếc	3
3	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Chiếc	3
4	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Chiếc	3
5	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Chiếc	3
6	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Chiếc	3
7	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Chiếc	3
8	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Chiếc	3
9	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Chiếc	3
10	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Chiếc	3

11	Các tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Chiếc	3
12	Các tranh giải phẫu - sinh lý da	Chiếc	3
13	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Chiếc	3
14	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Chiếc	3
15	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Chiếc	3
16	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Chiếc	3

Phòng 6. Thực hành Sinh lý – Lý sinh :

Giảng dạy thực hành thí nghiệm của môn học Sinh lý – Lý sinh – Sinh lý bệnh: chứng minh, giải thích các tính chất sinh lý của cơ thể, các giả thuyết về bệnh từ đó rút ra các biện pháp chẩn đoán, phòng, chăm sóc và điều trị bệnh.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc	27
4	Máy li tâm	Chiếc	1
5	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1
8	Nồi hấp	Chiếc	1
9	Cân kỹ thuật	Chiếc	1
10	Nồi cách thủy	Chiếc	1
11	Tủ âm	Chiếc	1
12	Bộ bình cầu	Bộ	1
13	Bộ bình nón	Bộ	1
14	Cốc	Chiếc	1
15	Cốc có mỏ	Bộ	1

	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 50ml	Chiếc	1
	Loại 100ml	Chiếc	1
	Loại 250ml	Chiếc	1
	Loại 500ml	Chiếc	1
16	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	1
17	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc	1
18	Giá để dụng cụ thủy tinh	Chiếc	1
19	Giá để tiêu bản	Chiếc	5
20	Tủ sấy	Chiếc	1
21	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	1
22	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	1
23	Khay chữ nhật	Chiếc	10
24	Khay hạt đậu	Chiếc	1
25	Kim lấy máu	Chiếc	200
26	Lá kính (lamen)	Chiếc	10
27	Ống đong có chia vạch	Chiếc	1
28	Ống nghiệm	Bộ	100
	Bộ panh	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm		
29	Loại cong có máu	Chiếc	1
	Loại cong không máu	Chiếc	1
	Loại thẳng có máu	Chiếc	1
	Loại thẳng không máu	Chiếc	1
30	Pipet	Chiếc	5
31	Tủ lạnh	Chiếc	1
32	Kính hiển vi kết nối hệ thống ti vi	Chiếc	1

Phòng 7. Phòng thực hành Sinh học :

Giảng dạy thực hành môn học : Sinh học đại cương - Di truyền học trong tất cả các ngành nghề đào tạo.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
4	Kính hiển vi quang học	Chiếc	20
5	Tủ lạnh	cái	1
6	Tủ đựng kính hiển vi	cái	3
7	Tủ kính KN(2mx1.5m)	cái	1
8	Tủ KN	cái	1
9	Khay men loại nhỏ 22x32cm, loại to 30x40cm.	cái	10
10	Giá để lam	cái	5
11	Giá cắm lam	cái	5
12	Giá cắm ống nghiệm inox	Cái	2
13	Hộp petri đựng bông cotton	Hộp	10
14	Bảng kiểm quy trình kỹ thuật.	cái	6
15	Bộ nhuộm tiêu bản	cái	2
16	Hộp đựng tiêu bản	cái	2
17	Chai nút mài thủy tinh 500ml	cái	5
18	Chai nút mài thủy tinh 100ml	cái	5
19	Cốc có mỏ 100ml	cái	5
20	Cốc có mỏ 200ml	cái	5
21	Chậu thủy tinh (f30)	Cái	3
22	- Ống nghiệm thủy tinh.	cái	20
23	Lam kính, la men	Hộp	10

III	Học liệu		
1	Bộ tiêu bản mẫu gồm: -Tiêu bản tế bào thần kinh tủy sống. - Tiêu bản tế bào thần kinh đại não. -Tiêu bản mẫu phân bào nguyên nhiễm ở rễ hành. - Tiêu bản mẫu phân bào giảm nhiễm ở tinh hoàn châu châu đực. - Tiêu bản mẫu vật thể Barr. - Tiêu bản máu dàn. - Tiêu bản mẫu bộ Nhiễm sắc thể....	Bộ	5
2	Bộ tranh về cấu tạo tế bào.	Bộ	2
	Bộ tranh về các giai đoạn phân chia tế bào.	Bộ	2

Phòng 8. Vi sinh – Ký sinh trùng

Giảng dạy thực hành các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Vi sinh – Ký sinh trùng của các ngành nghề đào tạo và môn chuyên ngành của cao đẳng xét nghiệm.

Giảng dạy thực hành các thí nghiệm cơ bản trong thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng:

+ Nghiên cứu các đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu tạo, di truyền,... của các vi sinh vật có lợi và có hại trong cơ thể người hoặc tác động đến cơ thể người.

+ Chẩn đoán bệnh vi sinh – ký sinh trùng nhằm giúp người bệnh có kết quả chính xác nhất về tình trạng bệnh đang mắc phải bằng các xét nghiệm Ký sinh trùng thông qua các dịch cơ thể, bệnh phẩm, ...

- Phục vụ các hoạt động nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các vi sinh vật đến cơ thể người để ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
------------	---------------------	---------------	-----------------

1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Đèn côn	Chiếc	3
4	Đồng hồ treo tường	Chiếc	1
5	Máy in	Chiếc	1
6	Máy ly tâm	Chiếc	2
7	Cân phân tích điện tử	Cái	1
8	Nhiệt kế theo dõi nhiệt độ tủ bảo quản	Chiếc	1
9	Nồi hấp	Chiếc	1
10	Tủ âm	Chiếc	1
11	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (Thực hành tại cơ sở thực hành)	Chiếc	1
12	Tủ lạnh	Chiếc	2
13	Tủ sấy	Chiếc	1
14	Kính hiển vi quang học	Chiếc	10
II	Dụng cụ		
1	Bể nhuộm bằng thủy tinh	Chiếc	6
2	Bình cầu	Bộ	3
3	Bộ Kim Kocher	Bộ	3
	- Loại cong có máu	Chiếc	1
	- Loại cong không máu	Chiếc	1
	- Loại thẳng có máu	Chiếc	1
	- Loại thẳng không máu	Chiếc	1
4	Bộ cốc có chân, gồm các loại:(<i>Kho phòng TH Hoá</i>)	Bộ	6
	- Loại 50 ml	Chiếc	1
	- Loại 100 ml	Chiếc	1
	- Loại 250 ml	Chiếc	1
	- Loại 500 ml	Chiếc	1

	- Loại 1000 ml	Chiếc	1
5	Bộ cốc có mỏ, gồm các loại:	Bộ	6
	- Loại 50 ml	Chiếc	1
	- Loại 100 ml	Chiếc	1
6	Bộ phễu, gồm:	Bộ	6
	- Phễu lọc	Chiếc	1
	- Giá đựng phễu lọc	Chiếc	1
7	Cối, chày các loại	Bộ	3
	- Đường kính miệng cối 10cm	Chiếc	1
	- Đường kính miệng cối 15cm	Chiếc	1
8	Đĩa peptri	Chiếc	54
9	Đĩa thạch Mueller-Hinton	Chiếc	6
10	Đũa thuỷ tinh	Chiếc	5
11	Hộp kháng thủng đựng vật sắc nhọn	Chiếc	3
12	Hộp lưu tiêu bản	Chiếc	3
13	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Chiếc	1
14	Kéo	Bộ	3
	- Kéo cong	Chiếc	1
	- Kéo thẳng	Chiếc	1
15	Khay đựng bệnh phẩm	Cái	3
16	Lọ đựng bệnh phẩm	Chiếc	6
18	Ống độ đục chuẩn McFarland	Chiếc	1
19	Ống đong có chia vạch	Bộ	3
20	Ống hút	Chiếc	18
21	Ống nghiệm , mỗi bộ gồm:	Bộ	3
	- Loại 15 ml	Chiếc	1
	- Loại 20 ml	Chiếc	1
	- Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	1
	- Giá kẹp ống nghiệm(<i>Phòng TH Hoá</i>)	Chiếc	1

22	Ống nghiệm chống đông	Chiếc	9
23	Ống nghiệm có nút bông	Chiếc	9
24	Ống nghiệm có nút vặn	Chiếc	9
25	Ống nghiệm nhựa	Chiếc	6
26	Ống nghiệm thủy tinh	Chiếc	6
27	Ống nghiệm thủy tinh 15 - 20 ml	Chiếc	3
28	Panh nhựa (Dụng cụ thay thế)	Chiếc	3
29	Que cấy	Chiếc	3
30	Que cấy dung tích 1 μ l và 10 μ l	Chiếc	3
31	Que phết đờm	Chiếc	3
32	Que thủy tinh	Chiếc	3
33	Thùng đựng rác thải thông thường	Chiếc	1
34	Thùng đựng rác thải y tế	Chiếc	1
35	Thuốc kẹp(<i>Dụng cụ thay thế</i>)	Chiếc	1
36	Trụ cắm panh	Chiếc	3
37	Tiêu bản mẫu chứng giun sán	Bộ	1
38	Tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét	Bộ	1
39	Tiêu bản mẫu đơn bào	Bộ	1

Phòng 9. Phòng thực hành Hóa học:

Giảng dạy thực hành chứng minh các hiện tượng hoá học, phản ứng hoá học, định tính, định lượng các chất hoá học ... thuộc môn học Hoá học trong tất cả các chương trình đào tạo.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1.	Máy vi tính	Bộ	1
2.	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3.	Cân phân tích	Chiếc	2
4.	Tủ sấy	Chiếc	1

5.	Tủ đựng hóa chất có lọc hấp	Chiếc	1
6.	Bếp điện	Cái	1
II	Dụng cụ		
1	Dụng cụ các phương pháp chuẩn độ - Buret (25ml) - Giá đỡ buret - Bình định mức (100ml) - Bình nón (100ml) - Cốc chân - Ống đong - Đũa thủy tinh (30cm) - Chén cân	Bộ	5
2	Cốc có mỏ 500ml	Cái	5
3	Cốc có mỏ 100ml	Cái	15
4	Ống nghiệm 15mm	Cái	50
5	Pipet 1ml	Cái	2
6	Pipet 2ml	Cái	1
7	Pipet 5ml	Cái	2
8	Pipet 10ml	Cái	10
9	Pipet bầu 10ml	Cái	3
10	Bình nón 500ml	Cái	5
11	Bình nón 100ml	Cái	20
12	Bình thủy tinh có nút mài 100ml	Cái	9
13	Bình thủy tinh có nút mài 500ml	Cái	7
14	Bình thủy tinh có nút mài 1000ml	Cái	2
15	Bình công tơ hút 100ml	Cái	30
16	Bình công tơ hút 125ml	Cái	30
17	Bình định mức 100ml	Cái	6
18	Bình định mức 500ml	Cái	2

19	Bình định mức 1000ml	Cái	2
20	Bát sứ (đường kính 6,5cm)	Cái	4
21	Cốc chân 500ml	Cái	2
22	Ống đong 10ml	Cái	8
23	Càng cu kẹp buret kim loại	Cái	8
24	Lưới amiang	Cái	5
25	Mặt kính đồng hồ	Cái	6
26	Giá đèn cồn	Cái	5
27	Chậu thủy tinh (f30)	Cái	1
28	Đũa thủy tinh (30cm)	Cái	5
29	Bình hút ảm	Cái	1
31	Giá cắm ống nghiệm inox	Cái	20
32	Chén nung	Cái	4
33	Kẹp gỗ	Cái	8
34	Quả bóp cao su	Cái	4

Phòng 10. Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng (Phòng Đ D 1; 2)

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Cụ thể người học sẽ được hướng dẫn và thực hành các kỹ thuật cơ bản như: vệ sinh vô khuẩn thầy thuốc, người bệnh, môi trường, kỹ thuật tiêm truyền, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám bệnh, chăm sóc người bệnh, cho người bệnh uống thuốc, vệ sinh cho người bệnh...

Dùng để giảng môn: Điều dưỡng cơ bản 1, 2, Điều dưỡng và cấp cứu ban đầu, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý điều dưỡng thuộc các chuyên ngành đào tạo của trường.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		

1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	3
2	Máy vi tính	Bộ	1
3	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
4	Giường người bệnh	Chiếc	4
5	Tủ đầu giường*	Chiếc	1
6	Cáng*	Chiếc	1
7	Xe cáng người bệnh	Chiếc	1
8	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	1
9	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	3
10	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	5
11	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	3
12	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
13	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
14	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	5
II	Dụng cụ		
1	Bảng	Chiếc	1
2	Đệm	Chiếc	4
3	Chăn	Chiếc	4
4	Ga trải giường	Chiếc	5
5	Gối	Chiếc	4
6	Đệm nước*	Chiếc	1
7	Đệm hơi*	Chiếc	1
8	Dụng cụ rửa tay - Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt - Kéo cắt móng tay - Trụ cầm kim - Panh Kocher - Bàn chải mềm - Hộp đựng khăn vô khuẩn	Bộ	1

	<ul style="list-style-type: none"> - Hộp đựng dung dịch khử khuẩn - Cốc - Tạp dề - Túi đựng đồ bẩn 		
9	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Bộ	5
10	<ul style="list-style-type: none"> Các loại sàng - Sàng mổ - Sàng có lỗ - Sàng trải giường - Tấm lót 	Bộ	5
11	<ul style="list-style-type: none"> Bô các loại - Bô dẹt - Bô vệt 	Bộ	3
12	Xô các loại	Bộ	3
13	Chậu các loại	Bộ	3
14	Túi đựng dụng cụ cấp cứu*	Túi	1
15	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	3
16	Mô hình tiêm mông	Bộ	3
17	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	5
18	Mô hình thắt tháo	Bộ	3
19	Mô hình đa năng (nghe tim phổi, đo huyết áp, đếm mạch)	Bộ	3
20	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	3
21	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	3
22	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	3
23	<ul style="list-style-type: none"> Dụng cụ chườm - khay chữ nhật - Trụ cắm Panh Kocher - Panh Kocher 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Túi chườm - Cốc - Khăn bông to, nhỏ - Chậu + ca - Vô đập đá - Phích đựng nước nóng 		
24	<p>Dụng cụ tiêm</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay inox - Săng 50 x 50 cm - Trụ cắm panh - Panh tiêm thẳng có máu - Kéo thẳng - Hộp tròn đựng bông cồn - Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ - Dây garo và gối nhỏ 	Bộ	5
25	<p>Dụng cụ truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay inox - Săng 50 x 50 cm - Trụ cắm panh - Panh tiêm thẳng có máu - Kéo thẳng - Hộp tròn đựng bông cồn - Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ - Cọc truyền inox 2 tai treo - khay hạt đậu - Bộ thử test đầu giường - Dây garo và gối nhỏ 	Bộ	3
26	<p>Dụng cụ cho người bệnh uống thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Cốc đựng thuốc 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Bình nước - Cốc chia vạch - Thìa gạt 		
27	<p>Dụng cụ bôi thuốc cho người bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay - Trụ cầm panh - Panh kocher - Hộp đựng bông gạc - Que bệt 	Bộ	3
29	<p>Dụng cụ cho ăn bằng đường miệng</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay inox - Săng - khay hạt đậu - Cốc đựng nước chín - Cốc đựng thức ăn - Bát và 2 thìa - Chậu 	Bộ	3
30	<p>Dụng cụ cho ăn bằng đường thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay inox - Săng - khay hạt đậu - Ống nghe tim phổi - Ống thông Clini - Ống thông Levin - Bơm tiêm 50ml - Cốc đựng nước chín - Cốc đựng thức ăn - Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin - Hộp tròn đựng bông cầu - Đè lưới 	Bộ	3

	- Chậu		
31	Dụng cụ hút đờm rãi - Máy hút dịch 2 bình - Sonde các loại - Khay hạt đậu - Trụ cắm panh - Panh thẳng có máu - Cốc đựng nước chín - Hộp đựng bông gạc	Bộ	2
32	Dụng cụ chăm sóc răng miệng - Khay inox - Trụ cắm panh - Panh thẳng có máu - Khay hạt đậu - Hộp inox đựng bông cầu - Ca đựng nước, bình đựng nước - Đè lưỡi - Kim mở miệng - Bàn chải	Bộ	3
33	Dụng cụ rửa mặt - Chậu - Máy cạo râu* - Khăn rửa mặt	Bộ	3
34	Dụng cụ chải đầu, gội đầu - Máy sấy tóc - Khay - Khay hạt đậu - Máng gội đầu* - Lược- Xô*- Chậu*- Ca	Bộ	3
35	Dụng cụ tắm tại giường	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - khay - Trụ cầm panh - Panh thẳng có máu - Hộp đựng bông gạc - Ca - Thùng - Chậu - Bình phong 		
36	<p>Dụng cụ thay băng</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay - Kéo thẳng - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher - Kẹp phẫu tích 	Bộ	3
37	<p>Dụng cụ rửa vết thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay inox - Kéo thẳng - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher thẳng - Kẹp phẫu tích - Chậu inox 	Bộ	3
38	<p>Dụng cụ cắt chỉ vết thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay - Kéo thẳng - Kéo cong - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher 	Bộ	3

	- Kẹp phẫu tích		
39	Dụng cụ thắt tháo - Khay - Trụ cầm panh - Panh Kocher - Bộc thắt - Dây cao su mềm - Canuyn và khóa van - Chậu- Ca - Cốc - Gói - Bô - Quả bóp cao su và thông Nelaton	Bộ	3
40	Dụng cụ cho người bệnh thở ôxy - Bình oxy - Dây thở oxy 2 nhánh - Bình làm ẩm - Khay - Kéo - Hộp đựng bông gạc - Ống sonde Nelaton - Mask thở oxy	Bộ	3
41	Dụng cụ hút dịch dạ dày, tá tràng - Khay - Trụ cầm panh * - Kim kocher - Khay hạt đậu - Cốc - Bơm tiêm 50ml - Sonde Levin	Bộ	3
42	Dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	

	<ul style="list-style-type: none"> - khay - Trụ cắm panh - Kìm kocher - Ống faucher - khay hạt đậu - Bơm tiêm 50ml - Cốc - Kìm mở miệng - Đè lưỡi - Xô* - Chậu 		3
43	<p>Dụng cụ lấy máu xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay* - Trụ cắm panh* - Kìm kocher - Dây garo - Gói - Cốc* - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Ống nghiệm 	Bộ	3
44	<p>Dụng cụ lấy phân xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lọ đựng phân - Bô* 	Bộ	3
45	<p>Dụng cụ lấy nước tiểu xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Trụ cắm panh* - Kìm kocher thẳng - Cốc - khay hạt đậu* - Ống nghiệm và giá 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Ống đong có chia vạch - Bô* - Sonde Nelaton 		
46	<p>Dụng cụ lấy dịch tiết xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống nhỏ - Ống nghiệm vô khuẩn - Lam kính 	Bộ	3
47	<p>Dụng cụ rửa bàng quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Trụ cắm panh inox* - Kim kocher thẳng - Kéo - Cốc* - khay hạt đậu* - Sonde Nelaton 	Bộ	3
48	<p>Dụng cụ chọc dò dịch não tủy (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Trụ cắm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò tủy sống - Cốc - khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy 	Bộ	3
49	Dụng cụ chọc dò dịch màng bụng	Bộ	

	<p>(Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò - Bơm tiêm 20ml, 50ml - Cốc - khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu ổ bụng 		3
50	<p>Dụng cụ chọc dò dịch màng phổi</p> <p>(Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò Terumo - Bơm tiêm 20ml, 50ml - Cốc - khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu màng phổi 	Bộ	3
51	Dụng cụ chọc dò dịch màng tim	Bộ	3

	<p>(Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò - Bơm tiêm 20 ml, 50 ml - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu màng tim 		
52	<p>Dụng cụ phòng, chống loét</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ cầm panh* - Kim kocher thẳng* - Chậu - Cốc* - Đệm hơi, nước 	Bộ	3
53	<p>Dụng cụ sơ cứu gãy xương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cáng nhựa mặt cứng - Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh) - Băng buộc - Băng tam giác - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Chăn bông - Gói 	Bộ	3
54	Dụng cụ sơ cứu vết thương đứt động mạch	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Băng Esmarch - Băng - Băng tam giác - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ 		
55	<p>Dụng cụ đo lường dịch vào ra cơ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca chia vạch - Cốc có chia vạch - Ống đong 	Bộ	3
56	<p>Dụng cụ đặt nội khí quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Ống nội khí quản - Đèn soi thanh quản - Hộp cấp thuốc cứu phản vệ* - Ống sonde - Bóng ambu - Bình làm ẩm - Cốc* - Bình oxy - Máy hút hai bình 	Bộ	2
57	<p>Dụng cụ mở khí quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Trụ cắm panh* - Kim kocher thẳng có máu* - Kéo - Cốc* - Kẹp phẫu tích - Kim mang kim - Kim khâu da 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Dao mổ + cán dao - Kẹp Farabeuf - Bóng ambu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ* - Khay hạt đậu* - Hộp chữ nhật - Hộp tròn 		
58	<p>Dụng cụ đặt Catheter (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng có máu - Kéo - Cốc - Kẹp phẫu tích có máu - Kim mang kim - Kim khâu da + chỉ line - Dây truyền - Khay hạt đậu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Sonde catheter - Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm - Hộp an toàn 	Bộ	3
59	<p>Dụng cụ cấp cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóng ambu - Mask thở - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ* 	Bộ	3
60	Băng các loại	Bộ	10

	- Băng cuộn - Băng chun - Băng Esmarch		
III	Học liệu		
1	Các bộ tranh về: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, sử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...	Bộ	1
2	Các quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	3

Phòng 11. Phòng thực hành Y học cổ truyền

Đào tạo các phân môn Y học Cổ truyền, Y học cổ truyền và dưỡng sinh, trong các hệ đào tạo của trường.

Đào tạo người học thực hành kỹ năng cơ bản nhận định, thăm khám các triệu chứng, chứng bệnh, điều trị, chăm sóc người bệnh, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền cho chuyên ngành y sỹ y học cổ truyền.

Đào tạo người học nhận thức, hướng dẫn sử dụng được các nhóm thuốc y học cổ truyền.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1.	Máy vi tính	Bộ	1
2.	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3.	Giường người bệnh	Chiếc	1
4.	Tủ thuốc đông y	Chiếc	1

5.	Xe đẩy dụng cụ, thuốc*	Chiếc	1
6.	Ấm sắc thuốc đông y	Bộ	3
7.	Máy điện châm đa năng 8 kênh (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	1
8.	Đèn hồng ngoại (Phòng TH PHCN)	Chiếc	2
9.	Giường xoa bóp	Chiếc	1
10.	Kim tam lăng	Chiếc	50
11.	Kim mai hoa	Chiếc	20
12.	Bộ giác hơi	Bộ	3
13.	Máy xông ngải	Cái	2
14.	Hào châm - Kim hào châm 5cm - Kim hoàn khiêu 10cm	Cái	500 100
15.	Dao cầu	Bộ	4
16.	Dao bài	Chiếc	3
17.	Bếp	Chiếc	3
18.	Chảo	Chiếc	2
19.	Ấm sắc thuốc	Chiếc	2
20.	Bộ cối chày	Bộ	4
21.	Nồi áp suất	Cái	2
22.	Cân Nhân hòa loại 2Kg	Cái	2
23.	Dụng cụ tiến hành châm cứu - khay chữ nhật - khay hạt đậu - Trụ cắm panh - Panh - Hộp đựng Bông cotton	Bộ	5

24.	Hộp thuốc chống sốt	Bộ	2
25.	Nong, nia	Cái	4
26.	Cồn 70	Lít	1
27.	Điều ngải	Điều	50
II	Dụng cụ		
1	Tượng các huyết	Chiếc	3
2	Bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền (160 vị thuốc theo quy định của Bộ Y tế)	Bộ	2
3	Hộp + kim châm cứu	Bộ	3
4	Môi ngải	Bộ	3
5	Gối	Chiếc	3
III	Học liệu		
1	Tranh các huyết đông y	Bộ	3
3	Dược thư và sách hướng dẫn sử dụng thuốc	Cuốn	1

1.4.Nhà giáo: Số lượng, chất lượng nhà giáo (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề; nghiệp vụ sư phạm; trình độ tin học, ngoại ngữ): 54 Giáo viên cơ hữu (32 nhà giáo môn chung – 22 nhà giáo chuyên ngành), 9 giáo viên kiêm chức, đảm bảo theo quy định tối đa 25 SV/1 nhà giáo.

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
1.	Tô Ánh Nguyệt	x		YHCT		X			x

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
2.	Doãn Hồng Hà Vân	x		YHCT		X			x
3.	Hoàng Thị Lương			YTCC		X			x
4.	Lê Thị Thu Hằng	x		Bác sỹ		X			x
5.	Đặng Thị Huệ			Điều dưỡng			X		x
6.	Nguyễn Thị Phương Thúy	x		Điều dưỡng			X		x
7.	Nguyễn Quốc Thịnh	x		Bác sỹ			X		
8.	Trần Văn Anh	x		Điều dưỡng			X		
9.	Trịnh Thị Thu Hiền	x		BS			X		
10.	Nguyễn Thị Yến	x		Dược sỹ			X		
11.	Trần Đức Hưng	x		PHCN			X		
12.	Lê An Giang	x		BS YHCT			X		
13.	Nguyễn Thị Thanh	x		Bác sỹ		X			
14.	Vũ Thị Nguyệt Minh	x		Bác sỹ		X			
15.	Đỗ Thị Vân Anh	x		Nội khoa		X			
16.	Nguyễn Tuấn Đồng	x		Ngoại khoa		X			
17.	Lê Đức Quỳnh	x		Sản khoa		X			
18.	Lê Thị Thường	x		XN			X		
19.	Chu Hoàng Anh	x		Điều dưỡng		X			
20.	Ngô Diệu Linh	x		Điều dưỡng			X		
21.	Phùng Thị Dung	x		Điều dưỡng			X		
22.	Hoàng Văn Bình	x		Điều dưỡng			X		
23.	Nguyễn Văn Tâm		x	YHCT	X				
24.	Nguyễn Hoàng Anh		x	YHCT	X				
25.	Nguyễn Thị Thanh		x	YHCT		X			

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
26.	Mai Thị Dương		x	YHCT		X			
27.	Nguyễn Hoàng Trung		x	YHCT		X			
28.	Mai Thị Kim Hòa		x	YHCT		X			
29.	Cao Thạch Tâm		x	YHCT		X			
30.	Hoàng Ngọc Tám		x	YHCT		X			
31.	Phạm Thị Lài		x	Da liễu			X		

1.5. CƠ SỞ THỰC HÀNH KÝ KẾT VỚI NHÀ TRƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH 111/2017/NĐ-CP

Hiện tại, Nhà trường đã ký hợp đồng đào tạo thực hành lâm sàng với tất cả các Bệnh viện đảm bảo điều kiện là cơ sở thực hành theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe gồm 31 bệnh viện:

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa
2. Bệnh viện Nhi Thanh Hóa
3. Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa
4. Bệnh viện Mắt Thanh Hóa
5. Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa
6. Bệnh Viện Tâm thần Thanh Hóa
7. Bệnh viện Đông Y
8. Bệnh viện Phổi Thanh Hóa
9. Bệnh viện Phục hồi chức năng Trung Ương
10. Bệnh viện đa khoa Thành phố Thanh Hóa
11. Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung
12. Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định
13. Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa
14. Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước

15. Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn
16. Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy
17. Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát
18. Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành
19. Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành
20. Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương
21. Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn
22. Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Lặc
23. Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa
24. Bệnh viện đa khoa huyện Tĩnh Gia
25. Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh
26. Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân
27. Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc
28. Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống
29. Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân
30. Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn
31. Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa

1.6. Chương trình đào tạo: Nhà trường đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới chương trình đào tạo cho tất cả các chuyên ngành, các cấp đào tạo đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo đồng thời mang tính ổn định, cập nhật, phù hợp với định hướng phát triển, xây dựng nhà trường thành Trường chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể:

(Nội dung chi tiết có file đính kèm công khai tại website của trường).

Tên ngành, nghề: Y sỹ Y học cổ truyền

Mã ngành, nghề: 5720201

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo người Y sỹ Y học cổ truyền có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề ở trình độ trung cấp, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người Y sỹ Y học cổ truyền thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức trách nhiệm cao, ân cần và cảm thông sâu sắc, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng nhân cách người bệnh, lòng say mê nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.
- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng về yêu cầu công việc.
- Trình bày được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Trình bày đúng cấu trúc giải phẫu, chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người;
- Trình bày và giải thích được công dụng của các loại dược liệu thường dùng, một số bài thuốc y học cổ truyền;
- Trình bày được các phương pháp bào chế dược liệu y học cổ truyền;
- Mô tả đúng hệ thống kinh lạc, trình bày được vị trí và tác dụng của các huyệt thường dùng, giải thích các nguyên tắc chọn huyệt trong điều trị;
- Trình bày được kỹ thuật châm, điện châm, kỹ thuật cứu và các thủ thuật bổ tả;
- Mô tả được các động tác xoa bóp tác động lên da, cơ, xương khớp và huyệt;
- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp để áp dụng phù hợp trong điều trị và phòng bệnh;
- Trình bày được các bước thăm khám và phát hiện được các triệu chứng y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng;
- Trình bày được các nguyên tắc đạo đức liên quan đến chăm sóc sức khỏe và trách nhiệm pháp lý của nghề y.

1.2.2. Về kỹ năng

- Giao tiếp được với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cộng đồng, các đồng nghiệp trong đội ngũ y tế;

- Sử dụng được các thuật ngữ chuyên môn của ngành y học cổ truyền trong giao tiếp với đồng nghiệp;
- Phát hiện và báo cáo kịp thời những trường hợp cấp cứu thường gặp tại nơi làm việc;
- Thực hiện được các quy trình kỹ thuật châm, điện châm, cứu, trong điều trị một số bệnh thông thường;
- Thực hiện được kỹ thuật bào chế cơ bản của các loại dược liệu thông thường;
- Thực hành thành thạo các động tác xoa bóp, bấm huyệt để phòng và điều trị bệnh;
- Truyền đạt được các thông tin, ý tưởng, giải pháp cho các đồng nghiệp;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên;
- Chủ động hoàn thành các nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ đột xuất;
- Tuân thủ các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y học cổ truyền và các quy trình kỹ thuật của ngành y;
- Chủ động xin ý kiến cấp trên trong trường hợp vượt quá khả năng của mình;
- Thận trọng, tỉ mỉ, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Bốc thuốc y học cổ truyền;
- Châm cứu;
- Xoa bóp - bấm huyệt;
- Bào chế dược liệu;
- Kinh doanh thuốc thành phẩm y học cổ truyền;
- Thực hành chuyên môn y học cổ truyền tại trạm y tế phường (xã).

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 29
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 75 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở, chuyên môn: 1740 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 547 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1376 giờ,
kiểm tra: 72 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MD	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	4	90	30	56	4
II	Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành	63	1740	453	1228	59
II.1	Môn học cơ sở ngành	26	585	243	317	25
MH 07	Giải phẫu	2.5	45	28	15	2
MH 08	Sinh lý	2.5	45	28	15	2
MH 09	Vi sinh - Ký sinh trùng	1	15	14	0	1
MH 10	Dược lý	2	30	28	0	2
MH 11	Sức khỏe - Vệ sinh - Môi trường	1	15	14	0	1
MH 12	Y xã hội	2	30	19	9	2
MH 13	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	4	90	28	58	4
MH 14	Bệnh học YH hiện đại I (Nội - Nhi - Truyền nhiễm)	3	45	42	0	3
MH 15	Bệnh học YH hiện đại II (Ngoại-Sản-Chuyên khoa)	3	45	42	0	3
MH 16	TTBV Bệnh học YH hiện đại	3	135	0	132	3

	I (Nội - Nhi - Truyền nhiễm)					
MH 17	TTBV Bệnh học YH hiện đại II (Ngoại-Sản)	2	90	0	88	2
II.2	Môn học chuyên ngành	37	1155	210	911	34
MH 18	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền	2	30	28	0	2
MH 19	Châm cứu học	2	45	14	29	2
MH 20	Đông dược và Thừa kế	4	75	42	29	4
MH 21	Bào chế đông dược	2	45	14	29	2
MH 22	Bệnh học Y học cổ truyền I	3	45	42	0	3
MH 23	Bệnh học Y học cổ truyền II	3	45	42	0	3
MH 24	Xoa bóp bấm huyệt, dưỡng sinh	2	45	14	29	2
MH 25	Thực tập BV bệnh Y học cổ truyền I	4	180	0	176	4
MH 26	Thực tập BV bệnh Y học cổ truyền II	4	180	0	176	4
MH 27	Y tế cộng đồng	2	60	14	44	2
MH 28	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	267	3
MH 29	Kiểm tra tay nghề cuối khóa	3	135	0	132	3
	Tổng cộng	75	1995	547	1376	72

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn	Đoàn thanh niên tổ chức các

thể	buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
-----	---

4.2. Kiểm tra sau khi kết thúc môn học

Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập thực hành.

Thời gian kiểm tra:

- Lý thuyết: Không quá 120 phút
- Thực hành: Không quá 8 giờ

Thời gian kiểm tra của các môn học được tích hợp giữa lý thuyết, thực hành, lâm sàng.

4.3. Đánh giá năng lực cuối khóa

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Đánh giá năng lực cuối khóa	Thực hành	Không quá 24 giờ

4.4. Điều kiện xét công nhận tốt nghiệp

4.4.1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- c) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- d) Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- đ) Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

4.4.2. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

4.5. Văn bằng, danh hiệu cấp cho người học

- Văn bằng tốt nghiệp: Trung cấp
- Danh hiệu: Y sỹ Y học cổ truyền

4.6. Các chú ý khác

- Trước khi đi thực tập tại tuyến y tế cơ sở sinh viên được thực hành trên mô hình tại các phòng tiền lâm sàng của nhà trường;

- Toàn bộ nội dung thực tập cơ sở sinh viên được thực tập tại các trung tâm, bệnh viện tuyến cơ sở, bệnh viện tuyến tỉnh để học sinh được học tập và thực tế trên lâm sàng.